TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/DS-ST
Ngày: 20 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Dân
2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 19, 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Z**
Địa chỉ trụ sở chính: Đường Y, phường E, quận K, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số 555/UQ-QLN.23 ngày 13/4/2023): Anh Trần Trung T, sinh năm: 1999, chức danh: Nhân viên xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP Z. (có mặt)
Địa chỉ: Phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm: 1992. (vắng mặt)
Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1995. (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp LD, xã LV, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm: 1954. (có mặt)
- Bà **Trần Thị Hương**, sinh năm: 1955. (có mặt)
- Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1987.
- Anh **Tô Văn S**, sinh năm: 1973. (vắng mặt)
- Chị **Diệp Thị Ngọc Th** (Diệp Thị Th), sinh năm: 1975. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LD, xã LV, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Trung T (đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày như sau: Ngày 21/9/2020 Ngân hàng TMCP Z (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng cấp tín dụng số CAM.CN.191.210920 với anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D, cho anh L và chị D vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay 84 tháng (từ ngày 24/9/2020 đến ngày 23/9/2027); lãi suất vay trong hạn 11%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên vay được cấp tín dụng nhận tiền vay; lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Các nội dung khác được thoả thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số CAM.CN.191.210920 ngày 21/9/2020 và Khế ước nhận nợ số 318582709 ngày 23/9/2020 mà anh L, chị D đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 300.000.000 đồng cho anh L, chị D vào ngày 23/9/2020. Ngày 17/9/2020 anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D có đề nghị Ngân hàng cấp Thẻ tín dụng JCB Gold (Thẻ Tín dụng quốc tế) với hạn mức 30.000.000 đồng, được Ngân hàng đồng ý. Tháng 9/2020 Ngân hàng đã cấp Thẻ tín dụng JCB Gold cho anh L, chị D *(Thẻ chính số 3567950000368139 cấp cho anh Nguyễn Thành L; thẻ phụ số 3567950000368147 cấp cho chị Nguyễn Thị D)*, hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 9/2023. Để đảm bảo thanh toán các khoản nợ của anh L, chị D tại Ngân hàng TMCP Z, ngày 21/9/2020 ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CAM.BĐCN.54.210920 với Ngân hàng TMCP Z để thế chấp tài sản thuộc quyền sử dụng của ông C bà H là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, diện tích 569,3m^2 và sản gắn liền với đất toạ lạc tại ấp LD, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 938190 mà Uỷ ban nhân dân thành phố C cấp cho ông C, bà H ngày 03/8/2020. Quá trình sử dụng thẻ, anh L và chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó ngày 23/02/2021 Ngân hàng đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng và thu hồi toàn bộ nợ thẻ tín dụng chưa thanh toán của anh L, chị D. Ngày 19/01/2022 Ngân hàng đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ đối với 02 (hai) thẻ tín dụng nêu trên. Do anh L, chị D để khoản vay Thẻ tín dụng quá hạn nên cùng ngày 19/01/2022 Ngân hàng đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền chưa thanh toán của khoản vay tín dụng theo Khế ước nhận nợ số 318582709 ngày 23/9/2020. Tính đến ngày 19/4/2023, anh L và chị D còn nợ Ngân hàng các khoản bao gồm vốn và lãi, cụ thể: Nợ vay tín dụng 190.194.625 đồng; nợ thẻ tín dụng 55.438.561 đồng. Ngân hàng TMCP Z yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ nêu trên với tổng số tiền 245.633.183 đồng. Yêu cầu anh L, chị D tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 20/4/2023 với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP Z đến khi anh L, chị D thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp anh L, chị D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại ấp LD, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngày 11/10/2022, chị Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 21/9/2020 chị và chồng chị là anh Nguyễn Thành L có ký Hợp đồng cấp tín dụng số CAM.CN.723.210920 với Ngân hàng TMCP Z, vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận các nội dung trong hợp đồng trên (Hợp đồng do Ngân hàng nộp cho Tòa án tại bút lục số 45, 46 của Tòa án). Ngày 21/9/2020, cha mẹ chồng chị là ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị H có thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau để bảo đảm thanh toán khoản vay trên. Chị và anh L đã được Ngân hàng TMCP Z giải ngân số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền được giải ngân, cha mẹ chồng chị là người sử dụng; chị và anh L chỉ đứng tên vay. Từ khi vay đến nay, cha mẹ chồng chị là người thanh toán khoản nợ tiền vay cho Ngân hàng. Số tiền đã thanh toán bao nhiêu chị không rõ. Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng (bút lục số 38, 39, 40, 41 của Tòa án): Chữ ký và họ tên của chủ thẻ phụ tên Nguyễn Thị D là chữ ký, chữ viết của chị. Tuy nhiên chị không đề nghị Ngân hàng cấp thẻ cho chị. Cán bộ Ngân hàng hỏi chị có nhu cầu sử dụng thẻ tín dụng hay không thì chị có đồng ý sử dụng, sau đó cán bộ Ngân hàng đưa thẻ cho chị. Chị đã sử dụng thẻ 02 (hai) lần với tổng số tiền bao nhiêu chị không nhớ, chỉ nhớ khoảng từ trên 10 (mười) triệu đến dưới 20 (hai mươi) triệu đồng. Từ khi sử dụng thẻ đến nay, chị không thanh toán nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng TMCP Z. Anh Nguyễn Thành L chồng chị không sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Z. Về việc thanh toán nợ: Chị D yêu cầu Ngân hàng cho chị thanh toán khoản nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ của khoản nợ thẻ tín dụng. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng: Chị không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này vì chị không sử dụng khoản tiền vay. Trách nhiệm thanh toán khoản vay này là của cha mẹ chồng chị là ông C và bà H. Về việc tham gia tố tụng: Do bận đi làm xa, chị D xin từ chối hòa giải, từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; chị D yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị.

Bà Trần Thị H trình bày: Năm 2020 bà và chồng bà là ông Nguyễn Thành C có nhu cầu sử dụng tiền. Do vợ chồng bà lớn tuổi nên Ngân hàng không đồng ý cho vay. Vợ chồng bà có nhờ con và dâu của bà là Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị D đứng tên vay, vợ chồng bà ký thế chấp tài sản của mình để bảo đảm thanh toán khoản vay. L và D đồng ý nên ngày 21/9/2020 L và D ký Hợp đồng cấp tín dụng số CAM.CN.723.210920 với Ngân hàng TMCP Z. Cùng ngày 21/9/2020 bà và ông Nguyễn Thành C ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CAM.BĐCN.54.210920 với Ngân hàng TMCP Z (bút lục số 22, 23, 24, 25 của Tòa án), thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã LV, thành phố C để bảo đảm thanh toán khoản vay của L và D. Ngân hàng đồng ý cho L và D vay 300.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã nhận và sử dụng số tiền 300.000.000 đồng mà L và D vay của Ngân hàng. Bà không thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán cho khoản nợ khác của L và D. Từ khi nhận tiền vay đến nay, vợ chồng bà đã trả góp mỗi tháng đúng hạn cho khoản vay trên của L và D như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, số tiền thanh toán bao nhiêu bà không nhớ. Bà H nhận trách nhiệm thanh toán khoản vay ngày 21/9/2020 thay cho L và D trong thời gian 07 (bảy) năm kể từ ngày vay, trả góp mỗi tháng như trước đây. Bà H không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho L và D.

Ông Nguyễn Thành C trình bày: Ông có ý kiến thống nhất với trình bày của bà Trần Thị H. Trước đây ông và bà H có nhu cầu vay tiền nhưng Ngân hàng TMCP Z không đồng ý cho vay vì vợ chồng ông lớn tuổi. Do đó ông nhờ con trai ông là Nguyễn Thành L và con dâu là Nguyễn Thị D đứng tên vay dùm; vợ chồng ông thế chấp tài sản của mình là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã LV, thành phố C để bảo đảm thanh toán nợ cho L và D. L và D đồng ý đứng tên vay. Sau khi Ngân hàng xem xét tài sản ông định thế chấp thì Ngân hàng chỉ đồng ý ký hợp đồng vay với L và D, cho L và D vay 300.000.000 đồng. Ông và bà H đã thế chấp thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau để bảo đảm thanh toán nợ cho L và D. L và D đã nhận số tiền vay 300.000.000 đồng và giao số tiền vay cho vợ chồng ông. Đối với khoản nợ thẻ tín dụng của anh L, chị D thì ông không biết. Ông yêu cầu được trả tất cả các khoản nợ của anh L, chị D tại Ngân hàng và yêu cầu được trả góp hàng tháng như trước đây, đến khi nào trả dứt nợ của khoản vay 300.00.000 đồng ông sẽ trả tiếp khoản nợ thẻ tín dụng. Ông không đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ngày 22/3/2023, anh Tô Văn S và chị Diệp Thị Ngọc Th (tên gọi khác là Diệp Thị Th) thống nhất trình bày: Đầu năm 2020 anh S, chị Th có thoả thuận với cha mẹ của anh, chị là ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị H, chuyển nhượng một phần diện tích của thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, nhận chuyển nhượng chiều ngang mặt tiền 4,5m, chiều ngang mặt hậu 1,6m, chiều dài từ mặt tiền đến mặt hậu khoảng 72m, đất toạ lạc tại ấp LD, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau, thoả thuận giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Do diện tích đất định chuyển nhượng ít, không đủ để được cấp riêng sổ chủ quyền nên anh, chị chưa ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông C, bà H. Vì anh, chị có nhu cầu cất nhà ở nên ông C, bà H cho anh, chị cất nhà trên một phần diện tích đất mà anh, chị định chuyển nhượng. Trong thời gian anh, chị cất nhà, do anh chị và ông C, bà H đều có nhu cầu sử dụng tiền nên ông C, bà H nhờ Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị D vay tiền Ngân hàng TMCP Z 300.000.000 đồng; ông C, bà H thế chấp thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06, toạ lạc tại ấp LD, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng. Số tiền vay 300.000.000 đồng ông C, bà H đưa anh chị 150.000.000 đồng. Mỗi tháng anh, chị là người trực tiếp thanh toán khoản vay 300.000.000 đồng trên theo hợp đồng vay mà L và D đã ký với Ngân hàng vào ngày 21/9/2020. Hiện nay anh, chị đã có nhà kiên cố trên thửa đất mà ông C, bà H đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Z. Anh S, chị Th yêu cầu Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do bận đi làm, anh S chị Th yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh, chị. Anh S, chị Th không có yêu cầu khác.

Đối với anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Thành T: Tòa án đã thông báo cho anh L, anh Tvề việc thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập anh L, anh T đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh L và anh T vẫn không có mặt tại Tòa án theo triêu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật trong tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Z (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Anh L, chị D có địa chỉ cư trú tại thành phố C nên Toà án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L, anh T đã được triệu tập đến Toà án để tham gia phiên toà xét xử vụ án đến lần thứ hai mà anh, chị vẫn vắng mặt; chị D, anh S, chị Th yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có xác định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng vay đã ký kết giữa các đương sự được thiết lập trên tinh thần tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số CAM.CN.723.210920 ngày 21/9/2020, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/9/2020 được thiết lập giữa Ngân hàng TMCP Z với anh L, chị D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định anh L, chị D có vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng và đề nghị cấp thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng; thỏa thuận các nội dung theo hợp đồng đã ký. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh L và chị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền yêu cầu thanh toán nợ trước thời hạn theo thoả thuận. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định tình đến ngày 19/4/2023 anh L, chị D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 245.633.186 đồng (trong đó: nợ gốc 183.660.254 đồng, nợ lãi 61.972.932 đồng). Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn đặt ra yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi anh L chị D vay tiền có bảo đảm thanh toán nợ bằng tài sản thế chấp của ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị H là thửa đất số 284, tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất toạ lạc tại ấp LD, xã LV, thành phố C; việc thế chấp thoả mãn theo những điều kiện luật định. Điều 3 của Hợp đồng thế chấp tài sản số CAM.BĐCN.54.210920 ngày 21/9/2020 đã ký giữa ông Nguyễn Thành C, bà Trần Thị H với Ngân hàng TMCP Z quy định: *3.1. Nghĩa vụ được đảm bảo của tài sản thế chấp bao gồm "Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng….. 3.4.*

Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm đối với các khoản nợ gốc và/hoặc số dư bảo lãnh và/hoặc số tiền cấp tín dụng (chưa kể lãi, phí, các khoản phải trả khác) tại một thời điểm không vượt quá 330.000.000 đồng". Quá trình thực hiện hợp đồng anh L, chị D đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng đúng hạn nên Ngân hàng có quyền yêu cầu anh L, chị D thanh toán nợ và có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp anh L, chị D không thanh toán. Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận. Anh TVS, chị Diệp Thị Ngọc Th có căn nhà kiên cố cất trên một phần diện tích đất thế chấp. Anh S, chị Th không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh L, chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 298, 299, 300, 302, 319, 322, 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Z.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D thanh toán cho Ngân hàng TMCP Z tổng số tiền 245.633.186 đồng (trong đó: nợ gốc 183.660.254 đồng, nợ lãi 61.972.932 đồng).

Buộc anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 20/4/2023 theo Hợp đồng tín dụng số CAM.CN.191.210920 ngày 21/9/2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/9/2020 đã ký với Ngân hàng TMCP Z đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP Z có trách nhiệm trả ông Nguyễn Thành C và bà Trần Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 938190 mà Uỷ ban nhân dân thành phố C cấp cho ông C, bà H ngày 03/8/2020 khi anh L, chị D thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D không tự nguyện thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp. Buộc ông Nguyễn Thành C, bà Trần Thị H, anh Tô Văn S, chị Diệp Thị Ngọc Th, anh Nguyễn Thành L, anh Nguyễn Thành T giao thửa đất số 284, tờ bản

đồ số 06, tọa lạc tại ấp LD, xã LVL, thành phố C và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng TMCP Z và cơ quan có thẩm quyền phát mãi, thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị D phải chịu 12.281.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng TMCP Z không phải chịu án phí. Ngày 12/8/2022 Ngân hàng TMCP Z đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.962.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (theo Biên lai thu số 0001899), Ngân hàng TMCP Z được hoàn lại số tiền 6.962.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

3 - Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Z, ông Nguyễn Thành C, bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Thành T, chị Diệp Thị Ngọc Th, anh Tô Văn S vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hân